



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Yukio Takahashi	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2022)
Ông Toshihiko Takahashi	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2022)
Ông Lê Bá Giang	Ủy viên	
Ông Yoshida Tetsuya	Ủy viên	
Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Ủy viên	
Ông Go Fujiyama	Ủy viên	(Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2022)
Ông Đinh Nhật Tân	Ủy viên	(Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Đức Quang	Trưởng ban
Bà Fumiyo Okuda	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Diệu Loan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Số: 110822.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 15 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 17 phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, Công ty đang ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính riêng khoản phải trả cho Ngân sách nhà nước với số tiền là 32 tỷ đồng liên quan đến việc thoái vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.792.755.951	66.089.323.032
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.664.445.734	38.275.688.890
111	1. Tiền		40.664.445.734	34.875.688.890
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.677.007.907	27.366.478.483
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	813.611.617	441.901.343
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	161.793.000	10.580.482.200
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.960.000.000	12.260.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.046.500.628	4.388.992.278
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(304.897.338)	(304.897.338)
140	IV. Hàng tồn kho	10	312.166.101	194.909.407
141	1. Hàng tồn kho		312.166.101	194.909.407
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.139.136.209	252.246.252
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	477.821.454	227.934.600
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		661.314.755	6.311.652
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	18.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		145.229.112.446	134.217.551.705
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.948.817.680	4.948.817.680
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.948.817.680	4.948.817.680
220	II. Tài sản cố định		24.083.317.288	25.144.343.222
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	23.084.317.288	24.145.343.222
222	- Nguyên giá		81.547.630.135	81.469.820.135
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.463.312.847)	(57.324.476.913)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	999.000.000	999.000.000
228	- Nguyên giá		1.308.338.000	1.308.338.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(309.338.000)	(309.338.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		23.492.778.667	8.061.405.334
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	23.492.778.667	8.061.405.334
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	90.659.223.743	94.049.577.883
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.423.248.651	118.423.248.651
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(27.764.024.908)	(24.373.670.768)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.044.975.068	2.013.407.586
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.044.975.068	2.013.407.586
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		205.021.868.397	200.306.874.737


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		65.224.725.949	53.629.376.100
310	I. Nợ ngắn hạn		49.833.105.749	43.244.142.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.379.690.438	232.233.271
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		620.428.877	103.807.005
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.256.760.131	19.838.357
314	4. Phải trả người lao động		1.873.402.718	1.226.763.291
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	33.037.023.585	32.795.700.976
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	8.665.800.000	8.865.800.000
330	II. Nợ dài hạn		15.391.620.200	10.385.233.200
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	15.391.620.200	10.385.233.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		139.797.142.448	146.677.498.637
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	139.797.142.448	146.677.498.637
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(107.426.375.252)	(100.546.019.063)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(100.546.019.063)	(69.324.648.160)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(6.880.356.189)	(31.221.370.903)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		205.021.868.397	200.306.874.737


Lê Văn Tuấn Hải
Người lập


Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng


Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc



Thừa Thiên - Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	14.260.024.470	6.855.685.561
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.260.024.470	6.855.685.561
11	4. Giá vốn hàng bán	22	12.119.653.452	9.464.265.101
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.140.371.018	(2.608.579.540)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	489.800.914	542.422.007
22	7. Chi phí tài chính	24	3.599.560.228	11.735.169.208
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		209.205.833	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	367.551.138	380.202.577
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.545.162.373	4.668.005.734
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.882.101.807)	(18.849.535.052)
31	11. Thu nhập khác	27	6.947.273	15.743.713
32	12. Chi phí khác	28	5.201.655	24
40	13. Lợi nhuận khác		1.745.618	15.743.689
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(344)	(942)

Lê Văn Tuấn Hải
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.138.835.934	1.200.866.811
03	- Các khoản dự phòng		3.390.354.140	11.741.168.803
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(489.800.914)	(541.907.507)
06	- Chi phí lãi vay		209.205.833	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.631.761.196)	(6.433.663.256)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.752.467.473	(484.662.837)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(117.256.694)	62.403.353
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.579.757.016	1.533.815.116
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(281.454.336)	606.114.082
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.301.752.263	(4.715.993.542)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.509.183.333)	(4.737.791.457)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		489.800.914	541.907.507
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.719.382.419)	(4.195.883.950)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.006.387.000	4.291.327.200
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(200.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.806.387.000	4.291.327.200
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.388.756.844	(4.620.550.292)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38.275.688.890	40.308.057.461
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	40.664.445.734	35.687.507.169

Lê Văn Tuấn Hải
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 122 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 91 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Sự phục hồi về kinh tế và xã hội sau đại dịch Covid-19 đã tác động tích cực lên mọi ngành nghề và đặc biệt là ngành du lịch, lữ hành. Sự tác động tích cực này đã mang đến kết quả kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ năm trước cho Công ty cũng như các đơn vị liên doanh, liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty có doanh thu và lợi nhuận tăng gấp gần 1,5 lần so với cùng kỳ năm trước; đồng thời chi phí tài chính liên quan đến dự phòng các khoản đầu tư cũng giảm 71% so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Khách sạn Hương Giang Resort & Spa

Địa chỉ
Huế

Hoạt động kinh doanh chính
Kinh doanh khách sạn

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: **nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.** Trong đó, việc trích lập **dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán** được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 05 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	330.355.244	94.454.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	40.334.090.490	34.781.234.814
Các khoản tương đương tiền	-	3.400.000.000
	<u>40.664.445.734</u>	<u>38.275.688.890</u>

(1) Tại ngày 30/06/2022, số dư tiền gửi không kỳ hạn là 40.334.090.490 đồng. Trong đó, số tiền 32.225.198.297 đồng là tiền thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cho Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, khoản tiền này bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCDN ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 17).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	118.423.248.651	(27.764.024.908)	118.423.248.651	(24.373.670.768)
- Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	4.423.230.000	(2.301.577.362)	4.423.230.000	(1.832.719.037)
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	6.239.210.372	(3.941.776.282)	6.239.210.372	(3.664.127.494)
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	940.000.000	(421.947.149)	940.000.000	(421.947.149)
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	50.720.625.000	(6.527.406.467)	50.720.625.000	(7.446.573.142)
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	34.416.633.279	(14.561.523.317)	34.416.633.279	(10.998.509.615)
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	21.683.550.000	(9.794.331)	21.683.550.000	(9.794.331)
	118.423.248.651	(27.764.024.908)	118.423.248.651	(24.373.670.768)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	49,00%	49,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thôn Loan Lý, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	31,33%	31,33%	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt là
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	35,24%	35,24%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	220.943.617	-	360.296.343	-
- Trường Đại học sư phạm Huế	297.000.000	-	67.400.000	-
- Viện Sáng Kiến Việt Nam	94.260.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	201.408.000	(6.000.000)	14.205.000	(6.000.000)
	813.611.617	(6.000.000)	441.901.343	(6.000.000)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	220.943.617	-	360.296.343	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thịnh Châu	-	-	1.512.576.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Cơ Nhiệt Toàn Cầu	-	-	1.275.364.200	-
- Công ty TNHH Giải Pháp Bảo Trì Khách Sạn Đà Nẵng Vàng	-	-	5.338.326.000	-
- Công Ty TNHH Thiết Kế Quận Tám	-	-	1.774.190.000	-
- Doanh nghiệp Tư Nhân Quang Anh	103.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	58.793.000	-	680.026.000	-
	161.793.000	-	10.580.482.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang ⁽¹⁾	360.000.000	-	660.000.000	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành ⁽²⁾	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành ⁽³⁾	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
	11.960.000.000	-	12.260.000.000	-
Trong đó: Phải thu về cho vay các bên liên quan	11.960.000.000	-	12.260.000.000	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng số 01/HGT-HGTravel-052019 và Phụ lục số 03/HGT-HGTtravel-012022 ngày 01 tháng 01 năm 2022 với tổng số tiền 660.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động với thời hạn gia hạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 với lãi suất 8,5%/năm.

(2) Hợp đồng vay vốn số 01/KT-HG-122018 và Phụ lục số 07/KT-HG-102021 ngày 30/09/2021, với tổng số tiền là 10.500.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được gia hạn đến ngày 30/06/2022 với lãi suất 7,6%/năm.

(3) Bao gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 01/HGT-CIT-042019 và phụ lục số 01.4/HGT-CIT-122021 ngày 31/12/2021, với tổng hạn mức là 600.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 01/01/2022 với lãi suất 7,6%/năm.

- Hợp đồng vay vốn số 02/HGT-CIT-012020 và phụ lục số 02.3/HGT-CIT-122021 ngày 31/12/2021, với tổng hạn mức là 700.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, gia hạn thêm 12 tháng từ ngày 01/01/2022 với lãi suất 7,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	494.014.947	-	494.014.947	-
- Tạm ứng	70.200.000	-	48.200.000	-
- Dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	-	933.690.527	-
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	343.086.438	-	512.662.871	-
- Lãi vay Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	2.109.625.000	-	1.708.408.334	-
- Lãi vay Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	214.511.111	-	172.478.888	-
- Chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	(298.897.338)	298.897.338	(298.897.338)
- Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	-	220.639.373	-
- Doanh thu chưa xuất hóa đơn	361.835.894	-	-	-
	5.046.500.628	(298.897.338)	4.388.992.278	(298.897.338)
b) Dài hạn				
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt ^(*)	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	3.460.134.834	-	3.186.462.378	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	-	298.897.338	-
- Công ty TNHH ICS (Viet Nam)	12.000.000	6.000.000	12.000.000	6.000.000
	310.897.338	6.000.000	310.897.338	6.000.000

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	183.531.891	-	90.101.815	-
Hàng hoá	128.634.210	-	104.807.592	-
	312.166.101	-	194.909.407	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế (*)	23.492.778.667	8.061.405.334
	23.492.778.667	8.061.405.334

(*) Tên dự án: Cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang;
- Mục đích xây dựng: kinh doanh nhà hàng và cho thuê;
- Địa điểm xây dựng: Số 11 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 25,6 tỷ đồng (tương đương 1,1 triệu USD). Các hạng mục chủ yếu: Tư vấn thiết kế: khoảng 6,4 tỷ; Xây dựng: khoảng 8,7 tỷ; Thiết bị và nội thất: khoảng 6,9 tỷ; Chi phí khác: khoảng 3,6 tỷ;
- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai công trình và thời gian dự kiến hoàn thành: Thực hiện trong quý IV/2019 và dự kiến hoàn thành trong quý III/2021, tuy nhiên dự án bị chậm tiến độ do ảnh hưởng của dịch covid trong năm 2020 và 2021; Dự kiến công trình sẽ hoàn thành và đưa vào vận hành trong quý IV năm 2022 sau khi hoàn thành đầu tư giai đoạn 2.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2022: Đã hoàn thành 100% giá trị phê duyệt dự án giai đoạn 1. Hiện tại Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để đầu tư giai đoạn 2 với mức dự toán bổ sung dự kiến là 2,3 tỷ đồng (tương đương 100.000 USD) để nâng cấp khu vực sân thượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	61.158.427.487	11.165.580.199	8.413.270.805	732.541.644	81.469.820.135					
- Mua trong kỳ	-	77.810.000	-	-	77.810.000					
Số dư cuối kỳ	61.158.427.487	11.243.390.199	8.413.270.805	732.541.644	81.547.630.135					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	42.632.561.437	10.885.714.745	3.073.659.087	732.541.644	57.324.476.913					
- Khấu hao trong kỳ	818.033.284	26.472.710	294.329.940	-	1.138.835.934					
Số dư cuối kỳ	43.450.594.721	10.912.187.455	3.367.989.027	732.541.644	58.463.312.847					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	18.525.866.050	279.865.454	5.339.611.718	-	24.145.343.222					
Tại ngày cuối kỳ	17.707.832.766	331.202.744	5.045.281.778	-	23.084.317.288					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.149.034.013 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Số dư cuối kỳ	<u>999.000.000</u>	<u>309.338.000</u>	<u>1.308.338.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	309.338.000	309.338.000
Số dư cuối kỳ	-	<u>309.338.000</u>	<u>309.338.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	999.000.000	-	999.000.000
Tại ngày cuối kỳ	<u>999.000.000</u>	-	<u>999.000.000</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 309.338.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 02 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế với diện tích là 166 m² đang được Công ty sử dụng làm trụ sở văn phòng.**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	477.821.454	227.934.600
	<u>477.821.454</u>	<u>227.934.600</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	393.735.569	141.805.730
Chi phí cải tạo tài sản	221.463.720	381.265.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.429.775.779	1.490.335.960
	<u>2.044.975.068</u>	<u>2.013.407.586</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	154.920.760	127.817.994	-	27.102.766
Thuế Thu nhập cá nhân	-	19.777.059	158.485.149	151.808.020	-	26.454.188
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	18.000.000	-	4.432.977.494	220.333.671	-	4.194.643.823
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	61.298	22.902.230	14.404.174	-	8.559.354
	18.000.000	19.838.357	4.773.285.633	518.363.859	-	4.256.760.131

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Mai Foods	130.055.280	130.055.280	15.162.210	15.162.210
- DNTN Thương mại dịch vụ Quốc Bảo	98.213.333	98.213.333	44.987.855	44.987.855
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Dịch vụ Cơ nhiệt Toàn Cầu	255.073.200	255.073.200	-	-
- Công ty TNHH Thực phẩm VMA	146.876.000	146.876.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	749.472.625	749.472.625	172.083.206	172.083.206
	1.379.690.438	1.379.690.438	232.233.271	232.233.271

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Phải trả về thu hộ chuyển nhượng vốn của Nhà Nước (*)	32.225.198.297	32.193.081.521
- Phải trả lãi vay	246.192.500	36.986.667
- Thu hồi vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.579.937	47.579.937
	33.037.023.585	32.795.700.976

(*) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn số 18/HĐCVN ngày 30/3/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (bên chuyển nhượng) và Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco (bên nhận chuyển nhượng) với các thông tin như sau:

- Người đại diện bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Quốc Thành - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện chính phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số lượng 12.572.200 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 125.722.000.000 đồng, chiếm 62,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

- Tổng giá trị chuyển nhượng: 158.409.520.000 đồng.

- Tài khoản nhận tiền chuyển nhượng là tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Công ty đã chuyển trả số tiền là 126 tỷ đồng theo các văn bản yêu cầu của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền còn lại sẽ được chuyển trả khi có yêu cầu. Tại thời điểm 30/06/2022, số tiền còn lại này bị hạn chế sử dụng theo Công văn 1398/STC - TCDN ngày 25 tháng 06 năm 2016 của Sở Tài chính Tỉnh Thừa Thiên Huế. (Xem thêm tại Thuyết minh số 3).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	8.365.800.000	8.365.800.000	-	-	8.365.800.000	8.365.800.000
- Công ty TNHH Crystal Treasure Limited ⁽¹⁾	8.365.800.000	8.365.800.000	-	-	8.365.800.000	8.365.800.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾	500.000.000	500.000.000	-	200.000.000	300.000.000	300.000.000
	8.865.800.000	8.865.800.000	-	200.000.000	8.665.800.000	8.665.800.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾	10.885.233.200	10.885.233.200	5.006.387.000	200.000.000	15.691.620.200	15.691.620.200
	10.885.233.200	10.885.233.200	5.006.387.000	200.000.000	15.691.620.200	15.691.620.200
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(500.000.000)	(500.000.000)	-	(200.000.000)	(300.000.000)	(500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	10.385.233.200	10.385.233.200			15.391.620.200	15.191.620.200

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty Crystal Treasure Limited theo hợp đồng số 01/CRYSTAL-HGT-112021 ngày 26/11/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Gốc vay: 365.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 5,0%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 8.365.800.000 VND, tương đương 365.000 USD;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng tín dụng số 09-2019/HUONGGIANG.VCB ngày 01 tháng 10 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 16.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Đầu tư cải tạo trung tâm dịch vụ Le Cerele Sportif tại địa chỉ 11 Lê Lợi;
- + Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 9,0%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 15.691.620.200 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 500.000.000 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai của dự án tại số 11 Lê Lợi, TP.Huế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	47.223.517.700	(69.324.648.160)	177.898.869.540
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(18.833.791.363)	(18.833.791.363)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	47.223.517.700	(88.158.439.523)	159.065.078.177
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	47.223.517.700	(100.546.019.063)	146.677.498.637
Lỗ trong kỳ này	-	-	(6.880.356.189)	(6.880.356.189)
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	47.223.517.700	(107.426.375.252)	139.797.142.448

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ (*) VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ (*) VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO	18.228.770.000	9,11%	18.228.770.000	9,11%
Crystal Treasure Limited	91.000.000.000	45,50%	91.000.000.000	45,50%
Lê Thị Ngọc Thùy	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty TNHH Thạch Anh Trắng	19.252.230.000	9,63%	19.252.230.000	9,63%
Công ty TNHH Tấn Trường	40.000.000.000	20,00%	40.000.000.000	20,00%
Các cổ đông khác	17.519.000.000	8,76%	17.519.000.000	8,76%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 30/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản thuê ngoài		
Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nội dung chi tiết như sau:		
- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 1998 đến năm 2028. Diện tích khu đất thuê là 13.508 m ² . Công ty đang kinh doanh khách sạn (Hương Giang Hotel) và nhà hàng. Theo hợp đồng số 67/HĐTĐ ngày 23/12/2010 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
- Hợp đồng thuê đất tại Số 11 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2001 đến năm 2031. Diện tích khu đất thuê là 6.248,3 m ² . Công ty đang kinh doanh nhà hàng Festival Huế. Theo hợp đồng số 65/HĐTĐ ngày 19/08/2019 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
- Hợp đồng thuê đất tại Số 30 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2004 đến năm 2044. Diện tích khu đất thuê là 7.702 m ² . Công ty đang liên doanh cùng với Công ty Sài Gòn Tourist để kinh doanh nhà hàng và khách sạn. Theo hợp đồng số 34/HĐ-TĐ ngày 09/11/2004 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh từ ngày 06/12/2019 đến ngày 16/05/2024. Diện tích khu đất thuê là 680 m ² . Hiện tại Công ty đang sử dụng làm cảnh quan hồ Mắt Ngọc tại khách sạn Hương Giang Hotel. Theo hợp đồng số 88/HĐTĐ ngày 06/12/2019 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
b) Ngoại tệ các loại	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.867,10	3.880,30
- Đồng Euro (EUR)	425,85	431,31

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	13.036.160.665	6.027.695.343
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.223.863.805	827.990.218
	14.260.024.470	6.855.685.561
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	153.492.798	130.280.640

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	10.910.020.833	8.496.559.006
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.209.632.619	967.706.095
	12.119.653.452	9.464.265.101

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	30.296.000	24.977.000
---	-------------------	-------------------

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	489.800.914	541.907.507
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	507.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.000
	489.800.914	542.422.007
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	462.883.889	464.647.111

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	209.205.833	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	255	405
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.390.354.140	11.735.168.803
	3.599.560.228	11.735.169.208

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.510.904	17.740.188
Chi phí nhân công	337.454.015	333.397.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.961.033	8.421.445
Chi phí khác bằng tiền	17.625.186	20.643.228
	367.551.138	380.202.577

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	169.138.675	228.036.826
Chi phí nhân công	3.142.727.802	2.828.583.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.748.285	365.111.952
Thuế, phí, lệ phí	1.003.210.432	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.765.075	1.088.982.409
Chi phí khác bằng tiền	230.572.104	147.291.016
	5.545.162.373	4.668.005.734

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập khác	6.947.273	15.743.713
	6.947.273	15.743.713

28 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí khác	5.201.655	24
	5.201.655	24

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(6.880.356.189)	(18.833.791.363)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(344)	(942)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.097.057.798	2.644.133.424
Chi phí nhân công	5.985.468.642	5.481.845.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.138.835.934	1.200.866.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.453.889.378	2.201.062.435
Chi phí khác bằng tiền	1.357.115.211	2.984.564.964
	18.032.366.963	14.512.473.412

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.664.445.734	-	38.275.688.890	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.808.929.925	(304.897.338)	9.779.711.301	(304.897.338)
Các khoản cho vay	11.960.000.000	-	12.260.000.000	-
	63.433.375.659	(304.897.338)	60.315.400.191	(304.897.338)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay			24.057.420.200	19.251.033.200
Phải trả người bán, phải trả khác			34.416.714.023	33.027.934.247
			58.474.134.223	52.278.967.447

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.664.445.734	-	-	40.664.445.734
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.555.214.907	4.948.817.680	-	10.504.032.587
Các khoản cho vay	11.960.000.000	-	-	11.960.000.000
	58.179.660.641	4.948.817.680	-	63.128.478.321
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.275.688.890	-	-	38.275.688.890
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.525.996.283	4.948.817.680	-	9.474.813.963
Các khoản cho vay	12.260.000.000	-	-	12.260.000.000
	55.061.685.173	4.948.817.680	-	60.010.502.853

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay	8.665.800.000	15.391.620.200	-	24.057.420.200
Phải trả người bán, phải trả khác	34.416.714.023	-	-	34.416.714.023
	43.082.514.023	15.391.620.200	-	58.474.134.223
Tại ngày 01/01/2022				
Vay	8.865.800.000	10.385.233.200	-	19.251.033.200
Phải trả người bán, phải trả khác	33.027.934.247	-	-	33.027.934.247
	41.893.734.247	10.385.233.200	-	52.278.967.447

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		153.492.798	130.280.640
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty liên kết	153.492.798	130.280.640
Mua hàng hóa và dịch vụ		30.296.000	24.977.000
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty liên kết	30.296.000	24.977.000
Doanh thu hoạt động tài chính		462.883.889	464.647.111
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty liên kết	19.635.000	25.219.333
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	401.216.666	401.216.667
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	42.032.223	38.211.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng		220.943.617	360.296.343
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty liên kết	220.943.617	360.296.343
Phải thu về cho vay		11.960.000.000	12.260.000.000
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty liên kết	360.000.000	660.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	10.500.000.000	10.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	1.100.000.000	1.100.000.000
Phải thu khác		3.460.134.834	3.186.462.378
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty liên kết	837.101.385	1.006.677.818
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Công ty liên kết	298.897.338	298.897.338
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	2.109.625.000	1.708.408.334
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	214.511.111	172.478.888

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Yukio Takahashi ⁽¹⁾	-	-
Toshihiko Takahashi ⁽²⁾	-	-
Go Fujiyama ⁽³⁾	-	-
Johnny Cheung Ching Fu ⁽⁴⁾	324.877.000	319.089.714
Lê Bá Giang ⁽⁵⁾	442.928.600	547.230.769
Yoshida Tetsuya ⁽⁶⁾	241.505.677	253.129.630
Đình Nhật Tân ⁽⁷⁾	-	-

*(1) Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2022)**(2) Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm từ ngày 27/04/2022)**(3) Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 26/04/2022)**(4) Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**(5) Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**(6) Thành viên Hội đồng quản trị**(7) Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm từ ngày 26/04/2022)*

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Lê Văn Tuấn Hải
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2022

